

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về việc quy định mức ưu đãi đầu tư đặc biệt để đàm phán với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt với các nội dung như sau:

1. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý, mục tiêu và yêu cầu của việc ban hành Quyết định

a. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (*sau đây gọi là “Nghị quyết số 50-NQ/TW”*) đưa ra nhiệm vụ: *(i)* xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội nhằm thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao; *(ii)* xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu đãi thỏa đáng để tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu; khuyến khích chuyển giao công nghệ.

Để thể chế hóa nhiệm vụ tại Nghị quyết số 50-NQ/TW, Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư đã quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt và giao Thủ tướng Chính phủ quyết định mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư².

Trong bối cảnh xung đột thương mại giữa các nền kinh tế, cùng với tác động của đại dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, các tập đoàn trên thế giới đang tái định vị, đa dạng hóa chuỗi cung ứng tạo nên làn sóng đầu tư mới, hướng tới các thị trường có nhiều tiềm năng, trong đó có Việt Nam.

² Điểm d Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Do đó, việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt là rất cần thiết để cụ thể hóa và hoàn thiện khung pháp lý về ưu đãi đầu tư đặc biệt, đồng thời để đón làn sóng đầu tư mới với những dự án đầu tư có chọn lọc.

b. Mục tiêu

Nhằm hướng tới việc thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; đồng thời ưu tiên các dự án công nghệ cao, có giá trị gia tăng, tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, hướng tới xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ như đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết số 50-NQ/TW.

c. Yêu cầu

- Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc tại Nghị quyết 50/NQ-TW, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế tái cơ cấu, đa dạng hóa đầu tư của làn sóng đầu tư trên thế giới.

- Bảo đảm tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế, công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, lao động, đất đai...

- Các điều kiện, tiêu chí hưởng ưu đãi đặc biệt phải minh bạch, có tính khả thi và dễ áp dụng.

2. Quá trình xây dựng Quyết định

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Đã báo cáo³ và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận⁴, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Xây dựng Tờ trình và dự thảo Quyết định, xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan⁵ về dự thảo Quyết định và Tờ trình.

- Tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, gửi Bộ Tư pháp thẩm định⁶ theo quy trình, thủ tục rút gọn.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp⁷, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục làm việc, trao đổi với các Bộ: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ để thống nhất các tiêu chí và mức ưu đãi đầu tư; đồng thời xin ý kiến một số Hiệp hội doanh nghiệp, công ty kiểm toán và rà soát, nghiên cứu thêm kinh nghiệm quốc tế.

- Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành và cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

³ Tại công văn số 8002/BKHĐT-ĐTNN ngày 03 tháng 12 năm 2020.

⁴ Tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21 tháng 01 năm 2021.

⁵ Tại công văn số 1686/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/3/2021 và công văn số 1868/BKHĐT-ĐTNN 01/4/2021

⁶ Tại công văn số 2676/BKHĐT-ĐTNN ngày 10 tháng 5 năm 2021

⁷ Báo cáo thẩm định số 55/BCTĐ-BTP ngày 26 tháng 5 năm 2021

3. Nội dung chính của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định gồm 8 Điều quy định những nội dung chủ yếu sau:

a. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Quy định về mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

- Đối tượng áp dụng là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức kinh tế, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung ưu đãi đầu tư đặc biệt.

b. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi

- Ưu đãi đầu tư đặc biệt áp dụng cho 3 đối tượng sau⁸: (i) Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập; (ii) Dự án đầu tư các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D có vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm; (iii) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có vốn đầu tư trên 30.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 03 năm.

- Ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

- Tổ chức kinh tế không thực hiện đúng cam kết và không đáp ứng điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt thì phải bồi hoàn lại ưu đãi đã được hưởng.

- Trong thời gian đang hưởng ưu đãi, thực tế tổ chức kinh tế đáp ứng ở mức ưu đãi nào thì hưởng ưu đãi ở mức đó cho thời gian ưu đãi còn lại.

c. Các mức hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt

- Theo quy định tại Khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư⁹ và Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP¹⁰: Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) không quá 50% so với mức cao nhất hiện hành, thời gian áp dụng thuế suất không quá 1,5 lần so với mức cao nhất hiện hành và được kéo dài thêm không quá 15 năm, thời gian miễn tối đa không quá 6 năm và giảm 50% không quá 13 năm tiếp theo; miễn, giảm tiền thuê đất không quá 1,5 lần so với mức cao nhất hiện hành.

- Trên cơ sở khung ưu đãi đặc biệt tối đa như trên, dự thảo Quyết định đã xây dựng 3 mức ưu đãi như sau:

Mức ưu đãi 1: thuế suất thuế TNDN 9% trong 30 năm, miễn thuế 5 năm và giảm 50% trong 10 năm tiếp theo; tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn 18 năm và giảm 55% các năm còn lại;

Mức ưu đãi 2: thuế suất thuế TNDN 7% trong 33 năm, miễn thuế 6 năm và giảm 50% trong 12 năm tiếp theo; tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn 20 năm và giảm 65% các năm còn lại;

⁸ Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

⁹ sửa đổi, bổ sung Điều 13 và Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

¹⁰ sửa đổi, bổ sung Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

Mức ưu đãi 3: thuế suất thuế TNDN 5% trong 38 năm, miễn thuế 6 năm và giảm 50% trong 13 năm tiếp theo; tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn 23 năm và giảm 75% các năm còn lại.

- Đối tượng hưởng các mức ưu đãi như sau:

(i) Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập hưởng mức ưu đãi 3;

(ii) Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D có vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm hưởng mức ưu đãi 2;

(iii) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có vốn đầu tư trên 30.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 03 năm hưởng mức ưu đãi 1. Ngoài ra, nếu dự án ở mức 1 đáp ứng thêm 1 trong 4 tiêu chí bổ sung (tại mục d dưới đây) thì được hưởng mức ưu đãi cao hơn (mức 2 hoặc 3) tùy theo khả năng đáp ứng điều kiện.

d. Tiêu chí bổ sung áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

Theo quy định tại điểm d, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, có 4 tiêu chí bổ sung gồm: (i) công nghệ cao; (ii) có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi; (iii) giá trị gia tăng; (iv) chuyển giao công nghệ. Cụ thể như sau:

(i) Công nghệ cao

- Căn cứ xây dựng: (i) Nghị quyết 50-NQ/TW đưa ra mục tiêu về tỉ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao¹¹; (ii) Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao¹³.

- Điều kiện của tiêu chí: Tổ chức kinh tế phải đáp ứng đồng thời cả 3 điều kiện về: (i) doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao trong doanh thu thuần hàng năm (mức 2: 70%, mức 3: 80%); (ii) tổng chi cho hoạt động R&D trong doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (mức 2: 0,5%, mức 3: 1%); (iii) tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện hoạt động R&D trong tổng số lao động (mức 2: 1%, mức 3: 2%).

(ii) Có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị

- Căn cứ xây dựng: Nghị quyết số 50-NQ/TW đưa ra quan điểm chỉ đạo về ưu tiên thu hút các dự án có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Điều kiện của tiêu chí: Tổ chức kinh tế phải đáp ứng cả 2 điều kiện: (i) đạt tỷ lệ nhất định về doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị (mức 2: 30% – 40%, mức 3: trên 40%); (ii) đạt tỷ lệ nhất định về giá thành sản phẩm được tạo ra

¹¹ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 so với năm 2018. Tại thời điểm năm 2018, theo nghiên cứu của Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉ có khoảng 5% doanh nghiệp DTNN có công nghệ cao, 80% có công nghệ trung bình, còn lại 14% là sử dụng công nghệ thấp

¹³ doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng cả 3 điều kiện về: (i) doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao đạt ít nhất 70% trong DT thuần; (ii) chi cho R&D đạt ít nhất 0,5% trong DT thuần trừ đi giá trị đầu vào; lao động thực hiện R&D đạt ít nhất 1% trong tổng số lao động.

bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi (*mức 2: tối thiểu 30%; mức 3: tối thiểu 40%*).

(iii) Giá trị gia tăng

- Căn cứ xây dựng: *(i)* Nghị quyết 50-NQ/TW đưa ra mục tiêu cụ thể về tỉ lệ nội địa hoá *đạt mức 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030; (ii)* Điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 quy định sản xuất sản phẩm có *giá trị gia tăng từ 30% trở lên* thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư.

- Điều kiện của tiêu chí: tổ chức kinh tế được hưởng *mức ưu đãi 2* nếu có giá trị gia tăng chiếm từ trên *30% đến dưới 40%* trong giá thành của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp; hưởng *mức ưu đãi 3* nếu có tỷ lệ tương ứng là *trên 40%*.

(iv) Chuyển giao công nghệ

- Căn cứ xây dựng: Luật chuyển giao công nghệ và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ.

- Điều kiện của tiêu chí: Trước đây, dự thảo xây dựng tiêu chí chuyển giao công nghệ căn cứ trên cơ sở số năm mà doanh nghiệp Việt Nam được chuyển giao công nghệ (5 năm hoặc 7 năm). Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu về lan tỏa công nghệ, dự thảo Quyết định lần này xây dựng tiêu chí dựa trên cơ sở số lượng doanh nghiệp Việt Nam được chuyển giao công nghệ.

Theo đó, tổ chức kinh tế được hưởng *mức ưu đãi 2* nếu được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao và thực hiện chuyển giao công nghệ đó cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản thỏa thuận với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tương tự, tổ chức kinh tế hưởng *mức ưu đãi 3* nếu chuyển giao công nghệ cho ít nhất *03 doanh nghiệp Việt Nam*.

4. Đánh giá tác động của dự thảo Quyết định

a) Tác động về thủ tục hành chính

Căn cứ theo mức ưu đãi tại Quyết định này, nội dung về ưu đãi đầu tư đặc biệt được thẩm định trong quá trình cấp mới hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Do vậy, không phát sinh thủ tục hành chính.

b) Tác động tới ngân sách nhà nước

Những nội dung chính sách được đề xuất trong Quyết định này không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng đến khối lượng công việc thường xuyên.

Các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt không áp dụng hiệu lực hồi tố đối với các dự án đã và đang hoạt động¹⁵, nên không ảnh hưởng tới kế hoạch và nguồn thu ngân sách nhà nước hiện hành.

Trên thực tế, số lượng dự án thuộc diện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt sẽ không nhiều, không phát sinh vấn đề “ưu đãi làm giảm thu ngân sách”. Ngược lại, việc ban hành chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt trong bối cảnh xu thế tái cơ cấu và dịch chuyển chuỗi sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia sẽ tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút các dự án quy mô lớn, từ đó thu hút các dự án vệ tinh, làm tăng thêm đối tượng nộp thuế, tiếp nhận được công nghệ tiên tiến, có tác động lan tỏa, đưa Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, đào tạo nhân lực và tạo thêm việc làm kỹ thuật cao, trực tiếp và gián tiếp tăng các nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tính tương thích với các cam kết quốc tế của các tiêu chí hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt

Ý kiến của Bộ Công Thương (công văn 2253/BCT-KH ngày 22 tháng 4 năm 2021):

(i) Tiêu chí “*có tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi*” có thể được xem là tạo ra sự đối xử thuận lợi hơn cho nhà đầu tư trong nước so với nhà đầu tư nước ngoài, nên cần xem xét để tránh vi phạm về nghĩa vụ đối xử quốc gia¹⁶ trong các khuôn khổ các Hiệp định mà Việt Nam là thành viên.

(ii) Tiêu chí “*giá trị gia tăng*” và “*chuyển giao công nghệ*” có thể được xem là hình thức trợ cấp, có dấu hiệu thuộc phạm vi cam kết quy định tại Phụ lục của Hiệp định các biện pháp về đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) và cam kết về yêu cầu thực hiện quy định tại một số Hiệp định FTAs¹⁷.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin giải trình như sau:

Nghị quyết số 50-NQ/TW, Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã nêu nhiệm vụ và quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt gắn với 4 tiêu chí về công nghệ cao, có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị, giá trị gia tăng và chuyển giao công nghệ. Trên cơ sở đó, dự thảo Quyết định này có nhiệm vụ xây dựng các mức ưu đãi và các tiêu chí cụ thể.

Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp để hoàn thiện các tiêu chí ưu đãi đầu tư đặc biệt như đã báo cáo tại điểm d Mục 3 ở trên. Theo đó, các tiêu chí đưa ra sẽ hạn chế khả năng bị khiếu kiện về vi phạm cam kết, cụ thể:

(i) Về cam kết liên quan đến nghĩa vụ đối xử quốc gia (NT):

Nghĩa vụ đối xử quốc gia về đầu tư được quy định tại Điều III Hiệp định GATT 1994, Điều 2 Hiệp định TRIMS, Điều 8.5 Hiệp định EVFTA và Điều 9.4

¹⁵ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Luật Đầu tư năm 2020.

¹⁶ Quy định về đối xử quốc gia tại các điều ước quốc tế yêu cầu dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của mình trong điều kiện tương tự.

¹⁷ Điều 9.10 Hiệp định CPTPP, Điều 8.8 Hiệp định EVFTA

Hiệp định CPTPP với nội dung *không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước trong "điều kiện tương tự"*¹⁸.

Khoản 6 Điều 8.1 Hiệp định EVFTA loại trừ việc áp dụng quy định về đối xử quốc gia (thuộc Chương 8 về Tự do hoá đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử) đối với trợ cấp của các bên liên quan đến ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư như đào tạo nguồn nhân lực, các hoạt động tăng cường năng lực cạnh tranh như hỗ trợ công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

Tại dự thảo Quyết định, ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng chung cho tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài. Do đó, không vi phạm cam kết quốc tế về đối xử quốc gia.

(ii) Về cam kết liên quan đến trợ cấp và đầu tư

- Việc xác định vi phạm cam kết cần dựa trên đánh giá từng chính sách ưu đãi cụ thể, đặt trong mối liên hệ với các điều khoản về *ngoại lệ* của các Hiệp định mà Việt Nam là thành viên. Nếu chứng minh được việc áp dụng chính sách ưu đãi nằm trong vùng ngoại lệ thì Việt Nam không bị coi là vi phạm cam kết.

Phần lớn các Hiệp định của WTO, các FTAs mà Việt Nam tham gia đều có các điều khoản về ngoại lệ nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia có sự linh hoạt trong xây dựng chính sách vì mục tiêu phát triển bền vững và lợi ích công cộng, cụ thể:

+ Điểm a khoản 8.2 Điều 8 Hiệp định Trợ cấp và đối kháng WTO quy định: được phép trợ cấp cho các hoạt động R&D.

+ Điều 9.10 Hiệp định CPTPP quy định về một số yêu cầu chuyển giao công nghệ, sử dụng hàng hóa nội địa nhằm mục đích bảo vệ môi trường, con người... là không trái với Hiệp định này.

+ Theo quy định tại Điều 3 Hiệp định TRIMS, các ngoại lệ của Hiệp định GATT liên quan đến môi trường, bảo vệ các quy tắc của pháp luật... là phù hợp.

Các tiêu chí tại dự thảo Quyết định nhằm thu hút các dự án công nghệ cao, có R&D, giá trị gia tăng cao và tăng cường tính liên kết, hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và phát triển cộng đồng, được coi là các biện pháp nằm trong vùng ngoại lệ của các Hiệp định trên. Ngoài ra, các tiêu chí không mang tính áp đặt hay bắt buộc phải thực hiện mà chỉ khuyến khích.

- Theo quy định tại Điều 2 Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM), trợ cấp áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp hay một ngành, lĩnh vực được coi là trợ cấp riêng biệt thì không được phép. Tuy nhiên, tại dự thảo, ưu đãi đặc biệt được áp dụng chung cho tất cả tổ chức kinh tế trong các ngành nghề khác nhau, không giới hạn trong một ngành nghề cụ thể nào, nên không được coi là trợ cấp riêng biệt và không thuộc phạm vi trợ cấp bị cấm theo quy định tại Hiệp định SCM.

¹⁸ Việc xác định "điều kiện tương tự" phụ thuộc vào đánh giá tổng thể về các điều kiện, bao gồm biện pháp đối xử có phân biệt giữa các nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư trên cơ sở mục tiêu phúc lợi công cộng hợp pháp hay không

- Trên thực tế, đã có một số quốc gia trong khu vực đã xây dựng chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích sử dụng nguyên vật liệu trong nước hay hỗ trợ doanh nghiệp nội địa. Ví dụ, tại *Philippin*, doanh nghiệp được kéo dài thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1 đến 8 năm nếu đạt tỷ lệ trên 50% giá trị nguyên vật liệu trong nước trên tổng giá trị nguyên vật liệu đầu vào¹⁹. Tại *Thái Lan*, trường hợp doanh nghiệp thực hiện đào tạo, hỗ trợ công nghệ cho các doanh nghiệp Thái thì được kéo dài thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1 đến 3 năm tùy theo mức chi phí đào tạo (từ 200 triệu bath đến 600 triệu bath)²⁰. Quy định tại dự thảo Quyết định cũng tương đồng với quy định của Philippin hay Thái Lan như trên.

Với những phân tích nêu trên, việc ban hành các chính sách ưu đãi đặc biệt là không vi phạm các cam kết về đối xử quốc gia và trợ cấp tại các Hiệp định.

5. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số /BKHĐT-ĐTNN ngày tháng 7 năm 2021; đồng thời tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, ngành về dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Phụ lục 1 (*gửi kèm theo*).

Một số nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp như sau:

(i) Đã bổ sung đánh giá tác động thủ tục hành chính và đánh giá tác động ngân sách tại mục 4a và 4b Tờ trình;

(ii) Đã bổ sung giải trình về các tiêu chí hưởng ưu đãi theo hướng hạn chế khả năng vi phạm cam kết; đồng thời đánh giá tính tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến nghĩa vụ đối xử quốc gia và trợ cấp đầu tư tại mục 4c Tờ trình;

(iii) Về thuế suất thuế TNDN, thời gian hưởng thuế suất, thời gian miễn giảm tiền thuê đất, dự thảo đã điều chỉnh lại theo hướng quy định mức cố định nhằm tạo sự minh bạch, dễ tra cứu và áp dụng. Đồng thời, để đảm bảo chính sách được ban hành sát với thực tế và có tính khả thi, dự thảo đã quy định mức ưu đãi 1 không yêu cầu phải kèm theo điều kiện đáp ứng thêm 1 trong 4 tiêu chí về công nghệ cao, có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị gia tăng và chuyên giao công nghệ;

(iv) Theo quy định tại Điều khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư và Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt tối đa là 37,5 năm và thời gian miễn tiền thuê đất tối đa là 22,5 năm. Nhưng do thông lệ không dễ số lẻ năm nên dự thảo đã làm tròn số năm tương ứng là 38 năm và 23 năm;

(v) Dự thảo đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung về: phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc áp dụng ưu đãi, trình tự thủ tục, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế... cho phù hợp với quy định của pháp luật doanh nghiệp, thuế, đất đai, lao động, công nghệ và chuyên giao công nghệ...

¹⁹ Điều 39.a Bộ Luật Đầu tư 1987 ("The Omnibus Investments Code of 1987"); Điều VII.c.3 và Phụ lục B Thông tư số 2021-001 ("Memorandum Circular No. 2021-001") của Ủy ban Đầu tư Philippin.

²⁰ Điều 16 Luật Khuyến khích đầu tư 1977 ("Investment Promotion Act 1977") sửa đổi năm 1991, 2001, 2017; Thông báo số 2/2557 của Ủy ban Đầu tư Thái Lan ("Announcement of the Board of Investment No. 2/2557") về chính sách và tiêu chí khuyến khích đầu tư (mục 9.2)

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

Xin trình kèm theo:

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- Phụ lục Chính sách ưu đãi đầu tư tại một số quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Tư pháp; Lao động, thương binh và xã hội; Thông tin Truyền thông;
- Lưu: VT, ĐTNN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng